

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 001033724.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : Chi nhánh cấp nước Phan Thiết - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 137 Lê Hồng Phong, khu phố 2, phường Phú Trính, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/05/2025 - 26/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NMN Phan Thiết - Vòi sau xử lý
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	-	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	-	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.015	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.044	-	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0.7
5	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.003
6	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.01
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.960	-	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	31.6	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
9	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.05
10	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	1
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	48.0	-	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 001033724.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.090	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	1.5
13	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	2
14	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.1
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	10.8	-	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	200
16	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.2
17	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.07
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.639	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.005	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	0.05
20	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.3
21	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	12.4	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250
22	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.01	mg/L	US EPA 376.2	0.05
23	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0002	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.001
24	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	86.5	-	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
25	Cyanua tổng (CN ⁻) (*)/ Total Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.003	mg/L	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984 (E))	0.05



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, Đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Testing Center

TSL Cà Mau

Testing Center

Lô II-12A, Đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BẢO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 001033724.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.03	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	2
27	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.07	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	0.3
28	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	10
29	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1
30	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	1
31	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30
32	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.1	µg/L	TS-KT-SK-137:2024	0.6
33	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	200
34	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	6
35	Bromodichloromethane (*)	4.07	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60
36	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100
37	Chloroform (*)	29.9	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300
38	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100

[Signature]

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

Trang/ Page No: 4/4

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 001033724.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	3	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	20
40	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.013	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
41	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.13	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp/ The analysis result(s) valid on tested sample only provided by clients.

Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty TNHH Khoa học TSL/ This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TSL Science Co, LTD.

- (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi VACI/ Parameter accredited to ISO/IEC 17025:2017 by VACI.
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter tested by subcontractor.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp/ LOD: Limit of detection.
- Giới hạn định lượng của phương pháp/ LOQ: Limit of quantification.
- (c) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by the client.

[Báo cáo kết thúc/ End of report]

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Technical Manager

LÊ NHƠN ĐỨC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

On behalf of TSL Science Co., Ltd



LY BÁ HÀO

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Testing Center Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
TSL Ca Mau 11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau
Testing Center 11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 002033725.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : Chi nhánh cấp nước Phan Thiết - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 137 Lê Hồng Phong, khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/05/2025 - 26/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NMN Phan Thiết - Cao đẳng Bình Thuận - Cơ sở 3
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	-	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	-	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.015	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.033	-	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0.7
5	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.003
6	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.01
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.768	-	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	17.7	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
9	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.05
10	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	1
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	34.0	-	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tân Bình IP, Tân Phú District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tân Bình IP, Tân Phú District, Ho Chi Minh City.

TSL Cà Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Cà Mau City, Cà Mau Province.

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 002033725.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.093	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	1.5
13	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	2
14	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.1
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	6.52	-	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	200
16	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.2
17	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.07
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.138	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.005	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	0.05
20	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Vết/ Trace 0.017 ($< LOQ = 0.02$)	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.3
21	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	5.38	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250
22	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.01	mg/L	US EPA 376.2	0.05
23	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0002	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.001
24	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	55.0	-	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
25	Cyanua tổng (CN ⁻) (*)/ Total Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.003	mg/L	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984 (E))	0.05

 TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Testing Center

TSL Cà Mau

Testing Center

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau
11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 3/4

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

Mã KQ/ RP. No: 002033725.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.03	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	2
27	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.07	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	0.3
28	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	10
29	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1
30	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	1
31	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30
32	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.1	µg/L	TS-KT-SK-137:2024	0.6
33	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	200
34	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	6
35	Bromodichloromethane (*)	3.12	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60
36	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100
37	Chloroform (*)	24.4	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300
38	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, Đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, Đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lô II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP No: 002033725.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	3	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	20
40	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.013	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
41	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.13	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp/ The analysis result(s) valid on tested sample only provided by clients.

Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty TNHH Khoa học TSL/ This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TSL Science Co, LTD.

- (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi VACI/ Parameter accredited to ISO/IEC 17025:2017 by VACI.
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter tested by subcontractor.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp/ LOD: Limit of detection.
- Giới hạn định lượng của phương pháp/ LOQ: Limit of quantification.
- (c) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by the client.

[Báo cáo kết thúc/ End of report]

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Technical Manager



LÊ NHƠN ĐỨC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

On behalf of TSL Science Co., Ltd



LÝ BÁ HẠO

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 003033726.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : Chi nhánh cấp nước Phan Thiết - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 137 Lê Hồng Phong, khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/05/2025 - 26/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NMN Phan Thiết - Nhà thờ Đồng Hải - Võ Thị Sáu
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	-	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	-	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.015	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.045	-	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0.7
5	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.003
6	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.01
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.896	-	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	29.6	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
9	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.05
10	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	1
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	45.0	-	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

[Signature]

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 003033726.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.095	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	1.5
13	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	2
14	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.1
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	9.93	-	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	200
16	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.2
17	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.07
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.562	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.005	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	0.05
20	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.3
21	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	11.3	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250
22	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.01	mg/L	US EPA 376.2	0.05
23	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0002	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.001
24	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	83.0	-	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
25	Cyanua tổng (CN ⁻) (*)/ Total Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.003	mg/L	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984 (E))	0.05



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Testing Center Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
TSL Ca Mau 11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau
Testing Center 11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 003033726.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.03	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	2
27	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.07	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	0.3
28	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	10
29	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1
30	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	1
31	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30
32	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.1	µg/L	TS-KT-SK-137:2024	0.6
33	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	200
34	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	6
35	Bromodichloromethane (*)	3.22	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60
36	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100
37	Chloroform (*)	28.0	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300
38	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

Trang/ Page No: 4/4

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 003033726.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	3	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	20
40	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.013	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
41	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.13	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp/ The analysis result(s) valid on tested sample only provided by clients.

Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty TNHH Khoa học TSL/ This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TSL Science Co, LTD.

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi VACI/ Parameter accredited to ISO/IEC 17025:2017 by VACI.
- (**) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter tested by subcontractor.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp/ LOD: Limit of detection.
- Giới hạn định lượng của phương pháp/ LOQ: Limit of quantification.
- (c) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by the client.

[Báo cáo kết thúc/ End of report]

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Technical Manager



LÊ NHƠN ĐỨC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

On behalf of TSL Science Co., Ltd



BÁ HÀO

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lô II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Cà Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 004033727.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : Chi nhánh cấp nước Phan Thiết - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 137 Lê Hồng Phong, khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/05/2025 - 26/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NMN Phan Thiết - Bảo Bình Thuận - Võ Văn Kiệt
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	-	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	-	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.015	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.032	-	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0.7
5	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.003
6	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.01
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.896	-	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Clorua (Cl ⁻) (*)/ Chloride (Cl ⁻) (*)	19.5	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
9	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.05
10	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	1
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	34.0	-	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300



[Signature]

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 004033727.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.090	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	1.5
13	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	2
14	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.1
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	6.86	-	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	200
16	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.2
17	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.07
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.212	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.005	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	0.05
20	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Vết/ Trace 0.016 (< LOQ = 0.02)	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.3
21	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	6.32	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250
22	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.01	mg/L	US EPA 376.2	0.05
23	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0002	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.001
24	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	58.0	-	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
25	Cyanua tổng (CN ⁻) (*)/ Total Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.003	mg/L	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984 (E))	0.05

 TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Cà Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 004033727.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.03	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	2
27	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.07	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	0.3
28	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	10
29	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1
30	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	1
31	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30
32	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.1	µg/L	TS-KT-SK-137:2024	0.6
33	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	200
34	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	6
35	Bromodichloromethane (*)	2.75	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60
36	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100
37	Chloroform (*)	22.7	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300
38	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lô II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 004033727.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	3	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	20
40	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.013	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
41	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.13	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp/ *The analysis result(s) valid on tested sample only provided by clients.*

Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty TNHH Khoa học TSL/ *This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TSL Science Co, LTD.*

- (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi VACI/ *Parameter accredited to ISO/IEC 17025:2017 by VACI*
- (**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ *Parameter tested by subcontractor.*
- Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *LOD: Limit of detection.*
- Giới hạn định lượng của phương pháp/ *LOQ: Limit of quantification.*
- (c) Thông tin do khách hàng cung cấp/ *Information provided by the client.*

[Báo cáo kết thúc/ End of report]

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

Technical Manager



LÊ NHƠN ĐỨC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

On behalf of TSL Science Co., Ltd



LÝ BÁ HÀO

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 005033728.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : Chi nhánh cấp nước Phan Thiết - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : 137 Lê Hồng Phong, khu phố 2, phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 20/05/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 20/05/2025 - 26/05/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NMN Phan Thiết - Anam Resort - Nguyễn Đình Chiêu
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong chai duran và can nhựa kín

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	0	-	CFU/100mL	SMEWW 9213 B:2023	< 1
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	-	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	< 1
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.015	mg/L	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	0.3
4	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	0.035	-	mg/L	TS-KT-QP-51:2024	0.7
5	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.003
6	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0003	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.01
7	Chỉ số pecmanganat (KMnO ₄) (*)/ Permanganate index (KMnO ₄) (*)	0.832	-	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 (E))	2
8	Clorua (Cl) (*)/ Chloride (Cl) (*)	17.4	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250 hoặc 300
9	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.05
10	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	1
11	Độ cứng (tính theo CaCO ₃) (*)/ Total hardness (calculated as CaCO ₃) (*)	34.0	-	mgCaCO ₃ /L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 (E))	300

Handwritten signature

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 005033728.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
12	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	0.102	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	1.5
13	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	2
14	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.1
15	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	6.55	-	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	200
16	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.2
17	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.07
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻ as N) (*)	0.149	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.005	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. US EPA 300.1)	0.05
20	Sắt (Fe) (*)/ Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	mg/L	TS-KT-QP-03:2024 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2023)	0.3
21	Sulfat (SO ₄ ²⁻) (*)/ Sulfate (SO ₄ ²⁻) (*)	5.24	-	mg/L	TS-KT-IC-003:2024 (Ref. EPA 300.1)	250
22	Sulfua (S ²⁻) (*)/ Sulfide (S ²⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.01	mg/L	US EPA 376.2	0.05
23	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.0002	mg/L	TS-KT-QP-28:2024	0.001
24	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	61.5	-	mg/L	SMEWW 2540 C:2023	1000
25	Cyanua tổng (CN ⁻) (*)/ Total Cyanide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.003	mg/L	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984 (E))	0.05

[Signature]

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 005033728.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
26	Carbon tetrachloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.03	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	2
27	Vinyl chloride (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.07	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	0.3
28	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	10
29	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-113:2024	1
30	1,2-Dibromo-3- chloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	1
31	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.007	µg/L	TS-KT-SK-15:2024	30
32	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.1	µg/L	TS-KT-SK-137:2024	0.6
33	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	200
34	Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.2	µg/L	TS-KT-SK-109:2024	6
35	Bromodichloromethane (*)	2.08	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	60
36	Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100
37	Chloroform (*)	12.2	-	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	300
38	Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.3	µg/L	TS-KT-SK-192:2024 (Ref. US EPA 5021, ISO 20595:2018)	100



TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Testing Center

Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

TSL Ca Mau

11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau

Testing Center

11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/05/2025

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Z262E1102

Mã KQ/ RP. No: 005033728.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Parameter(s)	Kết Quả/ Result	GHPH/ LOD	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
39	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	3	µg/L	TS-KT-SK-144:2024	20
40	Hoạt độ phóng xạ alpha (*)/ Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.013	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
41	Hoạt độ phóng xạ beta (*)/ Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	0.13	Bq/L	TS-KT-QP-22:2024 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp/ The analysis result(s) valid on tested sample only provided by clients.

Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc Công ty TNHH Khoa học TSL/ This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TSL Science Co, LTD.

- (*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi VACI/ Parameter accredited to ISO/IEC 17025:2017 by VACI.
- (**) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter tested by subcontractor.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp/ LOD: Limit of detection.
- Giới hạn định lượng của phương pháp/ LOQ: Limit of quantification.
- (c) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by the client.

[Báo cáo kết thúc/ End of report]

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



LÊ NHƠN ĐỨC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
On behalf of TSL Science Co., Ltd



LÝ BÁ HÀO

TS-TTCL-7.8-BM-04 [04/04/2025]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TSL SCIENCE CO., LTD

Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Website: <https://tsl-net.com.vn>

Tel: (+84) 28 7302 4687 - Ext: 100

Email: sa@tsl-net.com.vn

Trung tâm Kiểm nghiệm/ Testing Center:

TSL HCM Lô II-12A, đường 19/5A, cụm 4, nhóm CN II, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Testing Center Lot II-12A, 19/5A Street, Cluster 4, Industrial Group II, Tan Binh IP, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
TSL Ca Mau 11 đường 3/2, Khóm 8, Phường 5, Thành Phố Cà Mau
Testing Center 11, 3/2 Street, Hamlet 8, Ward 5, Ca Mau City, Ca Mau Province.